

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 25/2024/DS - PT

Ngày 11 - 01 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng giao
khoán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng, ông Nguyễn Duy Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 387/2023/TLPT- DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng giao khoán

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2023/DS - ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 446/2023/QĐ- PT ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐ-PT ngày 03/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV S1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ T – Chức vụ: Phó giám đốc Công ty; có mặt.

Địa chỉ: Số A H, Thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L; địa chỉ: Số A H, Phường T, Tp ., tỉnh Đắc Lắc; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan H; địa chỉ: T lô Đ, vùng C, xã B, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Tăng H1; địa chỉ: Số A N, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH MTV S1 (gọi tắt là Công ty) trình bày:*

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-UB ngày 08 tháng 06 năm 1993 của UBND tỉnh Đ về việc thành lập Công ty S1. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1036 ngày 01 tháng 06 năm 2000, Quyết định 2631 ngày 05 tháng 09 năm 2001 và Quyết định số 1520/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Đ ký ngày 10/07/2014 “Về việc cho Công ty TNHH MTV S1 thuê lại 6.323.015,2m²” (Sáu trăm ba mươi hai ngàn không trăm mười lăm phẩy hai mét vuông) đất tại xã B, huyện K.

Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty TNHH MTV S1 (sau đây gọi tắt là Công ty) và các hộ nhận liên kết, giao khoán sản xuất cà phê tại đất do Công ty quản lý nói trên.

Năm 2012, Theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất trồng sản xuất và đất mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh. Công ty tổ chức ký lại Hợp đồng giao khoán với các hộ nhận liên kết trước đó đồng thời Công ty có chủ trương hạ mức thu sản phẩm hàng năm từ 200kg/ha xuống còn 150kg đến 160kg/1ha tùy theo từng vùng đất; cho khoan nợ cũ các năm trước chưa nộp như nợ sản phẩm, nợ các loại vốn bằng tiền, được phân kỳ trả dần nhiều năm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng với Công ty. Hầu hết các hộ nhất trí hưởng ứng thực hiện song vẫn còn có một số hộ cố tình chây ì trong việc giao nộp sản phẩm theo hợp đồng và không hợp tác khi Công ty cử cán bộ đến đối chiếu công nợ hàng năm. Cụ thể:

Đối với hộ ông Phan H, Công ty và ông Phan H đã thoả thuận ký 04 hợp đồng giao khoán, trong đó ngày 10/09/2012 ông H ký các hợp đồng số 09A/HĐGK diện tích 0,55ha; hợp đồng số 10B/HĐGK diện tích 0,49ha; hợp đồng số 11A/HĐGK diện tích 1ha và đến ngày 09/04/2015 ông H ký tiếp với công ty hợp đồng giao khoán số 47A/HĐGK diện tích 0,4ha, theo đó Công ty giao cho ông Phan H nhận khoán sản xuất cà phê tại đội 1 khu vực sản xuất của Công ty (vùng cầu dâu) với tổng diện tích 2,44ha cà phê kinh doanh trồng năm 1995; loại đất hạng 1. Thời hạn hợp đồng là 37 năm; Sản phẩm với định mức giao nộp hàng năm 150kg nhân xô/1ha/1năm; thời gian giao nộp và công nợ trước, thực hiện trước

ngày 15 tháng 12 hàng năm. Việc ký kết Hợp đồng giao khoán giữa Công ty với ông Phan H được lập Hợp đồng với các điều khoản quy định quyền và nghĩa vụ của hai bên rõ ràng, được các bên ký kết thực hiện. Công ty cũng đã giao đất, làm đường, đầu tư vật tư, phân bón, dầu tưới, gạo, tiền, bảo đảm an ninh trật tự... Tạo điều kiện tốt nhất cho H2 nhận khoán ông Phan H được nhận đất và chăm sóc cà phê, được thu hoạch cà phê, tạo thu nhập ổn định cho H2 nhận khoán.

Sau khi ký hợp đồng, ông Phan H không thực hiện nghĩa vụ nộp sản phẩm khoán như cam kết trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên nhận khoán là: “Hộ nhận khoán có nghĩa vụ phải nộp sản lượng đầy đủ, thanh toán sản lượng nợ cho Công ty” tình trạng nợ kéo dài nhiều năm đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, gây thiệt hại nặng nề đến tình hình kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Ông H không thực hiện nghĩa vụ nộp sản phẩm cho Công ty trong nhiều năm, theo các biên bản đối chiếu công nợ giữa công ty và ông H được hai bên ký đối chiếu vào ngày 28/4/2022 sản lượng cà phê nhân xô của niên vụ năm 2021 mà ông H chưa nộp cho công ty của 04 hợp đồng giao khoán là 2.220,4 kg, thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 30/4/2022 và sản phẩm cà phê nhân xô của niên vụ năm 2022 mà ông H chưa ký đối chiếu với công ty là 216kg cà phê nhân xô thì tổng cộng ông H còn nợ công ty 2.436,4kg cà phê nhân xô.

Vì vậy, nay công ty TNHH MTV S1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan H phải thanh toán cho Công ty sản lượng cà phê nhân xô là 2.436,4kg.

** Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, bị đơn ông Phan H trình bày:*

Ông H xác định có ký hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH MTV S1 bốn hợp đồng giao khoán như phía đại diện công ty trình bày là đúng. Trong đó có ba hợp đồng ký vào ngày 10/9/2012, một hợp đồng ký vào ngày 09/4/2015 với tổng diện tích của bốn hợp đồng giao khoán là 2,44ha, Cà phê kinh doanh trồng năm 1995, thời hạn hợp đồng 37 năm; sản phẩm giao nộp hàng năm là 200kg cà phê nhân xô. Sau này công ty có giảm sản xuống là 150kg nhân xô khi hai bên ký hợp đồng giao khoán. Ông H đã thực hiện đóng sản phẩm cho công ty Đ cho đến mấy năm gần đây do đặc thù cà phê đã già cỗi, sản lượng hàng năm giảm nên ông không có sản lượng để đóng cho công ty, vào năm 2020 ông H cũng đã làm đơn xin nhỏ đi trồng mới diện tích cà phê nhận khoán 1ha và đã được công ty chấp thuận. Mặt khác, do công ty không đầu tư hỗ trợ cho người dân nên ông không đồng ý đóng sản lượng cho công ty theo hợp đồng giao khoán đã ký kết.

Vào ngày 28/4/2022 công ty có yêu cầu ông H ký đối chiếu xác nhận công nợ và hiện tại ông còn nợ của công ty là 2.436,4kg cà phê nhân xô. Trong đó, công

nợ năm 2022 ông chưa ký biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với mức sản lượng công ty yêu cầu nộp là 216kg cà phê nhân xô.

Nay công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông phải trả cho Công ty sản lượng cà phê nhân xô còn nợ là 2.436,4kg thì ý kiến của ông H là hiện nay cà phê đã già cỗi, nhổ đi trồng lại cà phê mới nên chưa có sản phẩm thu hoạch nên ông chưa có sản lượng để nộp cho công ty, ông đề nghị được gia hạn thời gian đóng. Trường hợp ông bán được rẫy thì ông sẽ trả nợ sớm cho công ty.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số /2023/DS - ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 483; Điều 484; Điều 485 và Điều 488 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV S1.

Buộc ông Phan H phải trả cho Công ty TNHH MTV S1 số sản lượng 2.436,4kg (Hai ngàn bốn trăm ba mươi sáu phẩy bốn) cà phê nhân xô.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, bị đơn ông Phan H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số sản lượng 1.218,05kg cà phê nhân xô và trả trong thời hạn 03 năm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, tại văn bản nêu ý kiến, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn

ông Phan H là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS – ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Ana

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan H làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 10/09/2012 và 09/04/2015 Công ty TNHH MTV S1 (sau đây gọi tắt là Công ty) và ông Phan H đã ký 04 Hợp đồng giao khoán số 09A+10B+11A+47A/HĐGK, về việc Công ty giao cho ông Phan H nhận khoán sản xuất cà phê tại đội 1 khu vực sản xuất của Công ty (vùng cầu dâu) với tổng diện tích 2,44ha cà phê trồng năm 1995. Sản phẩm giao nộp hàng năm là 200kg/1ha, hạ mức thu sản phẩm còn 150kg/1ha, thời hạn liên kết 37 năm. Đến ngày 28/4/2022, hai bên đã tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ, theo đó, ông H còn nợ Công ty T2 là 2.220,4kg cà phê nhân xô, tại các biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ (BL 49 – BL 52) có chữ ký xác nhận của ông Phan H. Ngoài ra, các bên xác định, năm 2022 ông H chưa ký biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ với mức sản lượng công ty yêu cầu nộp là 216kg cà phê nhân xô. Như vậy, tổng sản lượng ông H còn nợ công ty là 2.436,4 kg cà phê nhân xô. Tại Biên bản hoà giải ngày 11/5/2023 và ngày 18/7/2023, ông H đều thừa nhận việc nợ sản lượng của Công ty là 2.436,4 kg cà phê nhân xô, tuy nhiên vì hiện nay cà phê đã già cỗi, phải nhổ đi trồng lại cà phê mới nên chưa có sản phẩm để thu hoạch nộp cho Công ty. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc ông Phan H phải trả cho Công ty TNHH MTV S1 số sản lượng 2.436,4kg cà phê nhân xô là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan H cho rằng phía Công ty không thực hiện cam kết về nghĩa vụ của mình theo như Hợp đồng, cụ thể: không đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đường giao thông, lô thửa, công trình thủy lợi, phúc lợi và nhà làm việc để quản lý; không đầu tư các loại vật tư, nhiên liệu và kỹ thuật như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu; không kéo điện cho các hộ nhận khoán mà để các hộ phải đi thuê điện ở bên ngoài. Do đó, ông Phan H chỉ đồng ý thanh toán cho Công ty ½ sản lượng như Công ty khởi kiện. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, ông Phan H không có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu Toà án

cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết buộc Công ty phải thanh toán cho ông H số tiền đã bỏ ra để thuê điện, đầu tư giống cây trồng, phân bón. Do đó, việc ông H yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét, khấu trừ ½ sản lượng là vượt quá phạm vi khởi kiện và không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm. Vì vậy, đơn kháng cáo của ông H là không có căn cứ để chấp nhận. Ông H được quyền khởi kiện Công ty TNHH MTV S1 về việc yêu cầu thanh toán các chi phí đã bỏ ra bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Phan h phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Hiền

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS – ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV S1.

Buộc ông Phan H phải trả cho Công ty TNHH MTV S1 số sản lượng 2.436,4kg (Hai ngàn bốn trăm ba mươi sáu phẩy bốn) cà phê nhân xô.

[3]. Về án phí:

- Bị đơn ông Phan H phải chịu 8.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0015591 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana, ông H còn tiếp tục phải nộp 8.040.000 đồng.

- Công ty TNHH MTV S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 2.466.551 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015310 ngày 27/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cuồng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện Krông Ana;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Sâm